

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luật Sở hữu trí tuệ
 - + Tiếng Anh: Intellectual property law
- Mã số môn học
- Bộ môn, giảng viên phụ trách giảng dạy: PGS.TS Bùi Loan Thùy
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản (chung)

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 2 TC
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành
 - + Thí nghiệm hoặc thảo luận
 - + Tự học: 1TC lý thuyết (15 tiết) = 30 giờ tự học,
1TC thực hành (30 tiết) = 30 giờ tự học

Mô tả vắn tắt nội dung môn học (trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí môn học (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của môn học này trong CTĐT), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các môn học khác trong CTĐT).

- Vị trí và mục tiêu của môn học: là môn học thuộc khối kiến thức tự chọn. Môn học trang bị các kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ cho người học để có thể vận dụng trong thực tiễn quản lý tài liệu và thông tin, phục vụ người dùng tin tại các thư viện và cơ quan thông tin.

- Nội dung chính: (1) Những vấn đề chung về sở hữu trí tuệ; (2) Kiến thức pháp luật về lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan. (3) Thực thi luật sở hữu trí tuệ tại các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ; (4) Thực thi luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thư viện.

- Quan hệ với các môn học khác:...

Mục tiêu của môn học (các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Hệ thống hóa lý thuyết về luật sở hữu trí tuệ	4.1.1 (PLO1)	5
G1	Hướng dẫn người học vận dụng các quy định của Luật SHTT trong quản lý tài liệu và thông tin, phục vụ người dùng tin	4.2.4 (PLO7)	4

G2	Hướng dẫn người học áp dụng Luật SHTT để thẩm định thông tin và xử lý các trường hợp vi phạm trong hoạt động thông tin khoa học công nghệ và hoạt động thư viện.	4.3.1 (PLO8)	5
----	--	--------------	---

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học

(2): Mô tả các mục tiêu

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng

4. Chuẩn đầu ra môn học (các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy)

CĐR (G.x.x) (1)	Mô tả CĐR (X.x.x.x) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1	Phân tích được các quy định của Luật SHTT trong quản lý tài liệu và thông tin, phục vụ người dùng tin	T, U
G1.2	Vận dụng các quy định của Luật SHTT trong quản lý tài liệu và thông tin, trong phục vụ người dùng tin	U
G2.1	Áp dụng Luật SHTT để thẩm định thông tin và xử lý các trường hợp vi phạm trong hoạt động thông tin khoa học công nghệ và hoạt động thư viện.	T,U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

5. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận), các hoạt động dạy và học. Để học viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu).

Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Cách thức thực hiện	Bài đánh giá
Bài giảng 1	Chương 1. Những vấn đề chung về sở hữu trí tuệ 1.1 Khái quát về quyền SHTT và việc bảo hộ quyền SHTT 1.2 Một số điều ước quốc tế về SHTT VN là thành viên	G1.1	-Hoạt động dạy: GV sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), dùng câu hỏi gợi mở (Inquiry) nhằm giúp người học hiểu rõ những vấn đề chung về sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam -Hoạt động học: HV nhận diện và thảo luận tại lớp về việc bảo hộ quyền SHTT tại Việt Nam. - Hoạt động tự học: HV đọc tài liệu [1]	A1.1

Bài tập 1	Tìm hiểu lịch sử SHTT, bảo hộ quyền SHTT; Quá trình tham gia của VN vào các điều ước quốc tế về SHTT.	G1.1		
Bài giảng 2	Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 2.1. Khái niệm về quyền tác giả và quyền liên quan 2.2. Phân loại các tác phẩm/Các loại tác phẩm 2.3. Các quyền của tác giả/chủ sở hữu tác phẩm 2.4. Phòng tránh và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan.	G1.2	-Hoạt động dạy: GV sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), dùng câu hỏi gợi mở (Inquiry) nhằm giúp người học hiểu rõ những quy định chi tiết về Quyền tác giả và quyền liên quan trong Luật SHTT - Hoạt động học: HV nhận diện và thảo luận tại lớp các quy định về Quyền tác giả và quyền liên quan - Hoạt động tự học: HV đọc tài liệu [2]	A1.2
Bài tập 2	Quản lý quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam	G1.2		
Bài giảng 3	Chương 3. Thực thi luật sở hữu trí tuệ tại các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ 3.1. Quyền SHCN 3.2. Quyền giống cây trồng	G 2.1	-Hoạt động dạy: GV sử dụng phương pháp xemina, dùng câu hỏi gợi mở (Inquiry) để người học trình bày và tranh luận tại lớp những quy định chi tiết về việc thực thi luật sở hữu trí tuệ tại các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ về Quyền SHCN và Quyền giống cây trồng. -Hoạt động học: HV nhận diện và thảo luận/tranh luận tại lớp các quy định chi tiết về việc thực thi luật sở hữu trí tuệ tại các trung tâm thông tin khoa học và công nghệ về Quyền SHCN và Quyền giống cây trồng. - Hoạt động tự học: HV đọc tài liệu [2]	A2.1
Bài tập 3	Tìm hiểu các vi phạm về chương trình phần mềm máy tính, nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp. Các biện pháp bảo hộ.			
Bài giảng 4	Chương 4. Thực thi luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thông tin-thư viện. 4.1.Vấn đề bản quyền và sách lược bản quyền trong	G 2.1	-Hoạt động dạy: GV sử dụng phương pháp xemina, dùng câu hỏi gợi mở (Inquiry) để người học trình bày và tranh luận tại lớp.	A2.1

	quá trình thực thi QTG tại thư viện 4.2. Phương thức “sử dụng hợp lý” để cung cấp dịch vụ thư viện		-Hoạt động học: HV nhận diện và thảo luận/tranh luận tại lớp vấn đề bản quyền và sách lược bản quyền trong thực thi QTG trong thư viện; về phương thức “sử dụng hợp lý” để cung cấp dịch vụ thư viện -Hoạt động tự học: làm tiểu luận chuyên đề	
Bài tập 4	Phân tích nguyên nhân vi phạm bản quyền tại các TV/CQTT. Đề xuất các biện pháp phải triển khai thực hiện luật SHTT, QTG trong thư viện.	G 2.1		A2.1

6. Phương pháp đánh giá môn học (trong đó quy định số lần kiểm tra, bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá).

Các bài đánh giá

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CĐR môn học (3)	Tỷ lệ (4)
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Bản phân tích cơ chế bảo hộ tác phẩm trong các công ước quốc tế, so sánh với Việt Nam. A1.2 Đánh giá hiện trạng quản lý quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam	G1.1, G1.2	50
A2. Đánh giá cuối kỳ (Học viên chọn 1 trong 2 chuyên đề)	A2.1 Tiểu luận chuyên đề “Thực trạng vi phạm bản quyền tại các TV/CQTT. Các biện pháp cần triển khai thực hiện luật SHTT, QTG tại thư viện...” A2.1 Tiểu luận chuyên đề “Đánh giá phương thức sử dụng hợp lý để cung cấp dịch vụ thư viện”	G 1.1, G2.1	50

Tiêu chí và thang điểm đánh giá cho các bài đánh giá A1 và A2 (Rubric)

Chuẩn đánh giá/thang điểm

- + Mức 1 - Xuất sắc: 9 – 10 điểm
- + Mức 2 - Giỏi: 8 và 8,5 điểm
- + Mức 3 - Khá: 7 và 7,5 điểm
- + Mức 4 - Trung bình: 5 – 6,5 điểm
- + Mức 5 - Không đạt: dưới 5 điểm

A1 và A2 Đánh giá qua hình thức tiểu luận**Cấu trúc đề thi:**

- Học viên làm bài tiểu luận theo các nội dung quy định
- Làm bài cá nhân

Thời điểm nộp: Nộp bài theo kế hoạch tại mục 5

A1.1 và A1.2 Đánh giá giữa kỳ: Bài tiểu luận phân tích và giải thích nội dung bài học thao các chủ đề do giảng viên quy định

Mức đánh giá: 50% điểm môn học

A2.1 Đánh giá cuối kỳ: Bài tiểu luận (chọn 1 trong 2 đề tài tiểu luận)

Mức đánh giá: 50% điểm môn học

Tiêu chí đánh giá	Thang điểm đánh giá				
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
a.Nội dung lý thuyết (tỷ trọng 40%)	Trình bày đúng chủ đề, chính xác, đầy đủ, logic, chặt chẽ	Trình bày đúng chủ đề, chính xác, đầy đủ	Trình bày đúng chủ đề, chính xác nhưng chưa đầy đủ	Trình bày đúng chủ đề	Trình bày sai chủ đề
b.Phản dẫn chứng, minh họa, ví dụ (tỷ trọng 30%)	Dẫn chứng minh họa phù hợp, nhiều, tổ chức hợp lý và giúp bài viết sinh động	Dẫn chứng minh họa phù hợp, tổ chức hợp lý	Dẫn chứng minh họa phù hợp,	Dẫn chứng, minh họa chưa phù hợp	Dẫn chứng, minh họa sai
c.Hình thức trình bày (tỷ trọng 10%)	Thiết kế chương mục hợp lý. Trình bày đẹp, phù hợp	Thiết kế chương, mục hợp lý, trình bày đẹp	Thiết kế chương, mục hợp lý	Thiết kế chương, mục chưa hợp lý	Thiết kế chương, mục chưa lộn xộn
d.Văn phong (tỷ trọng 10%)	Văn phong mạch lạc, đúng ngữ pháp và chính tả	Văn phong mạch lạc, đúng ngữ pháp	Văn phong thiếu mạch lạc, có lỗi ngữ pháp	Văn phong không mạch lạc	Văn phong không mạch lạc, sai chính tả, ngữ pháp
e.Thời điểm nộp bài (tỷ trọng 10%)	Đúng quy định	Muộn hơn 3 ngày	Muộn hơn 5 ngày	Muộn hơn 8 tuần	Muộn hơn 10 ngày

7. Tài liệu học tập (ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến môn học, chỉ rõ nguồn tiếp cận được tài liệu gồm Thư viện Trung tâm, Thư viện ĐH KHXH&NV, nguồn mở)

[1] Giáo trình: Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009, 2019, 2022

[2] Tài liệu khác:

- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
- Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng
- Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

- Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
- Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp
- Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan
- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản khác
- Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn
- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 6 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật
- Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
- Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.
- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
- Nghị định Số: 04/VBHN-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
- **Các Nghị định khác liên quan đến sở hữu trí tuệ:** Điều lệ Sáng kiến; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; về đăng ký doanh nghiệp; ...

8. Cơ chế đảm bảo chất lượng

- Hai tuần trước khi chính thức triển khai giảng dạy, giảng viên cung cấp bản Đề cương cập nhật cho Trưởng bộ môn. Các mục có thể cập nhật (nếu cần) gồm nội dung bài giảng, tài liệu học tập, hoạt động dạy và học, hoạt động đánh giá.
- Một tuần trước buổi học đầu tiên của môn học, giáo vụ cung cấp bản Đề cương cho người học và đăng tải trên website.
- Một tuần trước khi thực hiện các bài đánh giá, giảng viên cung cấp Bộ tài liệu đánh giá bao gồm Đề bài, Đáp án và Ma trận phân tích sự tương thích giữa nội dung đánh giá và chuẩn đầu ra môn học. Trưởng bộ môn duyệt Bộ tài liệu đánh giá.
- Trước khi kết thúc môn học, giảng viên thông báo cho người học biết điểm giữa kỳ.
- Sau khi thi hai tuần người học được thông báo điểm thi cuối kỳ và tổng điểm môn học.
- Trong vòng một tuần kể từ khi nhận được kết quả, người học phản hồi (khuyến nài, yêu cầu phúc khảo nếu có) về kết quả kiểm tra của môn học.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Nguyễn Hồng Sinh

TP.HCM, ngày 27 tháng 7 năm 2022
TRƯỞNG KHOA
(ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Nguyễn Hồng Sinh
